TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20- 7- 2026
V/v: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Cận.

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Hồng Chuyên- Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn T, sinh năm 1979; số định danh cá nhân: [đã mã hóa]; địa chỉ: Thôn B (Xóm L cũ), xã G, tỉnh Ninh Bình; "vắng mặt".

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983; số định danh cá nhân: [đã mã hóa]; địa chỉ: Thôn B (Xóm L cũ), xã G, tỉnh Ninh Bình; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện G1, tỉnh Nam Định (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/7/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T1 không dành thời gian chăm sóc con, ông không biết bà T1 làm gì, ở đâu; gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ

năm 2015 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Hồng A, sinh ngày …/…/2011 và Trần Thanh L, sinh ngày …/…/2013. Khi ly hôn, mỗi người nuôi một con, cụ thể ông T trực tiếp nuôi cháu Trần Hồng A, bà T1 trực tiếp nuôi cháu Trần Thanh L; không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà xác nhận về thời gian kết hôn, con chung và quá trình chung sống như ông T trình bày. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với ông T; thống nhất về việc nuôi con chung như ý kiến ông T; Ngoài ra, bà không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung, đề nghị: Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình:, xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T1; giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hồng A, sinh ngày …/…/2011; giao cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh L, sinh ngày …/…/2013. Các đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Văn T và bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T1 kết hôn hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn giữa ông T và bà T1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con: Xác định vợ chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có 02 con chung là Trần Hồng A, sinh ngày …/…/2011 và Trần Thanh L, sinh ngày …/…/2013. Các đương sự thống nhất ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hồng A, bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh L. Sự thỏa thuận này là tự

nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản và công nợ nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Các đương sự thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn, tương ứng 150.000 đồng. Ông T tự nguyện nhận nộp toàn bộ nên được chấp nhận.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T1.

2. Về việc nuôi con: Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Giao ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hồng A, sinh ngày …/…/2011. Giao bà Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thanh L, sinh ngày …/…/2013. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc ông Trần Văn T phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 2773 ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Hoàn trả cho ông Trần Văn T số tiền 150.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10-Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Duyên